

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2014/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 05/7/2012
của Hội đồng nhân dân tỉnh về giá một số dịch vụ khám bệnh,
chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTĐ&XH ngày 26 tháng 01 năm 2006 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung Thông tư liên bộ số 14/TTLB ngày 30 tháng 9 năm 1995 của liên Bộ Y tế - Tài chính - Lao động Thương binh và xã hội - Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính Ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

Xét Tờ trình số 1633/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí sửa đổi, bổ sung điều 1 Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

- Bổ sung Biểu giá 24 dịch vụ kỹ thuật tuyến xã (*Biểu số 1*);
- Bổ sung Biểu giá 07 dịch vụ kỹ thuật bổ sung trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*Biểu số 2*).

(Có biểu giá các danh mục dịch vụ kỹ thuật kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này nếu có thay đổi về giá các dịch vụ, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XV, Kỳ họp thứ 8 thông qua./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hà Ngọc Chiến

Biểu số 01**GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TUYẾN XÃ
trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn
tỉnh Cao Bằng**

(Kèm theo Nghị quyết số: 10/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục các DVKT	Giá	Ghi chú
1	Ép tim ngoài lồng ngực	8.000	
2	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	20.000	
3	Sơ cứu chấn thương bỏng mắt	25.500	
4	Cấp cứu bỏng kỳ đầu	29.000	
5	Cố định tạm thời bệnh nhân gãy xương	44.000	
6	Băng bó vết thương	29.000	
7	Cầm máu (vết thương đang chảy máu)	43.000	
8	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	13.000	
9	Thay băng làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm trùng	20.000	
10	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	117.000	
11	Cắt và khâu tầng sinh môn	69.000	
12	Cắt chỉ	12.000	
13	Lấy dị vật họng miệng	9.000	
14	Nhổ răng sữa	8.000	
15	Khí dung họng	17.000	
16	Chích áp xe lợi	9.000	
17	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	6.000	
18	Thông tiểu	15.000	
19	Điện châm	17.000	
20	Thủy châm	6.000	
21	Xoa bóp bấm huyệt	6.000	
22	Siêu âm	18.000	
23	Đường máu mao mạch	20.500	
24	Soi tìm ký sinh trùng sốt rét	13.000	

Biểu số 02

GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT BỔ SUNG
trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn
tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Nghị quyết số: 10/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Đồng

STT	STT theo TTLT số 04		Tên dịch vụ	Giá	Ghi chú
	STT	STT theo mục			
		C.3.4	TAI - MŨI - HỌNG		
1	255	28	Nội soi nạo VA gây mê sử dụng Hummer	1.285.000	
		C5	XÉT NGHIỆM		
		C5.1	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC MIỄN DỊCH		
2	314	37	Định lượng Sắt huyết thanh hoặc Mg++huyết thanh	42.000	
		C5.4	XÉT NGHIỆM CÁC CHẤT DỊCH KHÁC CỦA CƠ THỂ		
			XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH LÝ		
3	402	2	Xét nghiệm và chuẩn đoán mô bệnh học bằng phương pháp nhuộm PAS (Periodic Acide-Siff)	245.000	
4	409	9	Xét nghiệm chuẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Papamicolaou	230.000	
5	412	12	Xét nghiệm và chuẩn đoán mô bệnh học tức thì bằng phương pháp cắt lạnh	340.000	
		C7	CÁC THĂM DÒ VÀ ĐIỀU TRỊ BẰNG ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ		
6	437	1	Định lượng bằng kỹ thuật miễn dịch phát quang: T3 hoặc FT3 hoặc T4 hoặc TSH	100.000	
	STT theo TTLT số 03				
	STT	STT			

		theo mục			
7	94	C2.3	Phần thuật đục thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco (01 mắt, chưa bao gồm thủy tinh thể nhân tạo)	1.520.000	